

Số: **2618** /BC-KTTC
V/v giải trình lợi nhuận chênh lệch
10% so với cùng kỳ năm trước

Tp.HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2019

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019 biến động tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2018 như sau:


- Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2018 là: 1.658.989.425 đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2019 là: 8.742.718.033 đồng

STT	Chi tiêu	Quý 2 năm 2019	Quý 2 năm 2018	Chênh lệch so với cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.844.033.034	113.610.066.504	2.233.966.530
2	Giá vốn hàng bán	81.329.178.443	83.176.200.433	(1.847.021.990)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.514.854.591	30.433.866.071	4.080.988.520
4	Doanh thu hoạt động tài chính	91.935.000	49.154.271	42.780.729
5	Chi phí tài chính	574.765.644	190.604.733	384.160.911
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>574.765.644</i>	<i>190.604.733</i>	<i>384.160.911</i>
6	Chi phí bán hàng	12.022.810.546	17.251.165.249	(5.228.354.703)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.422.330.884	9.987.983.386	434.347.498
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.586.882.517	3.053.266.974	8.533.615.543
9	Thu nhập khác	12.162.457	39.675.669	(27.513.212)
10	Chi phí khác	6.326.577	-	6.326.577
11	Lợi nhuận khác	5.835.880	39.675.669	(33.839.789)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.592.718.397	3.092.942.643	8.499.775.754
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.850.000.364	1.433.953.218	1.416.047.146
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.742.718.033	1.658.989.425	7.083.728.608

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2019 tăng 7.083.728.608 đồng so với quý 2 năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là:

(1)	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 2.233.966.530 đồng với mức tăng 101,97% so với quý 2 năm 2019 do: + Giá bán ra bình quân quý 2 năm 2019 tăng 219 đồng/m ³ . + Sản lượng nước bán ra tăng 309.188m ³ .
(2)	Giá vốn hàng bán quý 2 năm 2019 giảm 1.847.021.990 đồng so với quý 2 năm 2018 do: + Sản lượng mua sỉ nước sạch giảm 1.004.082m ³
(3)	Từ các nguyên nhân tại mục (1) và (2) nên Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 2 năm 2019 tăng 4.080.988.520 đồng.
(4)	Doanh thu hoạt động tài chính tăng 42.780.729 đồng do Công ty có một khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng.
(5)	Chi phí tài chính tăng do khoản lãi vay phát sinh không đủ điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay để đầu tư xây dựng cơ bản chống thất thoát nước.
(6)	Chi phí bán hàng (chi phí sửa chữa ống mục) quý 2 năm 2019 giảm 5.228.354.703 đồng vì: + Quý 2 năm 2019, Công ty tập trung nguồn lực cho các hoạt động cải tạo nâng cấp, cải tạo thay thế, phát triển mạng lưới đường ống nên chi phí sửa chữa ống mục tạm thời không phát sinh nhiều.
(7)	Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý 2 năm 2019 tăng 434.347.498 đồng do tăng chi phí tiền lương theo mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ.
(9)	Lợi nhuận khác giảm 33.839.789 đồng do Quý 2 năm 2019 Công ty
(10)	không có các thu nhập khác từ việc thanh lý công cụ dụng cụ.
(11)	
(12)	Từ các nguyên nhân trên, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Quý 2 năm 2019 của Công ty tăng 8.499.775.754 đồng.
(10)	Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 1.416.047.146
(14)	đồng so với cùng kỳ năm trước do: + Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng; + Kể từ năm 2019, Công ty không còn được hưởng ưu đãi Thuế TNDN theo quy định tại Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 và Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế TNDN.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2019 của Công ty.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KTTT, VT



GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Thành Phúc